

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2021 của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (“SeABank”) họp ngày 23/04/2021 đã thảo luận và thông qua các Nghị quyết sau:

- NGHỊ QUYẾT SỐ 1:** Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) về công tác quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị trong 2020 và kế hoạch năm 2021; và thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát (“BKS”) trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
- NGHỊ QUYẾT SỐ 2:** Thông qua Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Ngân hàng. ĐHĐCĐ thông qua việc giao HĐQT và cho phép HĐQT được giao lại, quyết định/ phê chuẩn việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung kế hoạch kinh doanh và/hoặc ngân sách của SeABank năm 2021 nếu xét thấy cần thiết.
- NGHỊ QUYẾT SỐ 3:** Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2020 của SeABank và các công ty con/công ty trực thuộc đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- NGHỊ QUYẾT SỐ 4:** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:
 - Thông qua phương án trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận của SeABank năm 2020 như sau:

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số liệu hợp nhất	Riêng SeABank	
			Số tiền	Tỷ lệ/ LNST
1	Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2020	1.728.936	1.841.590	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020	368.471	365.692	

STT	Nội dung	Số liệu hợp nhất	Riêng SeABank	
			Số tiền	Tỷ lệ/ LNST
3	Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) dùng để phân phối quỹ năm 2020	1.360.465	1.475.898	
4	Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	74.707	73.795	
-	Số phải trích trong năm 2020	74.635	73.795	5,00%
-	Số phải trích bổ sung năm 2019	72		
5	Trích lập quỹ dự phòng tài chính	149.413	147.590	
-	Số phải trích trong năm 2020	149.270	147.590	10,00%
-	Số phải trích bổ sung năm 2019	143		
6	Sử dụng lợi nhuận bù đắp các khoản chi không được trừ	718	718	
7	Trích quỹ khen thưởng	17.288	17.288	1,17%
8	Trích quỹ phúc lợi	1.170	1.131	0,08%
9	Lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế và trích lập các quỹ năm 2020	1.117.169	1.235.376	
10	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế trên báo cáo tài chính kiểm toán tại 31/12/2020	1.126.826		

b) Phần lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2020 và lũy kế đến 31/12/2020 sẽ được sử dụng để chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, phù hợp với các quy định pháp luật liên quan và được sự chấp thuận của NHNN. Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT quyết định: (i) mức cổ tức cụ thể, thời điểm chia cổ tức và các nội dung khác có liên quan; (ii) việc hạch toán, sử dụng các Quỹ theo quy định của Pháp luật và SeABank trong từng thời kỳ.

5. **NGHỊ QUYẾT SỐ 5:** Thông qua tổng ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 là 100 tỷ đồng. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT: (i) quyết định, sửa đổi và ban hành quy định cụ thể về chế độ thù lao, chi tiêu của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát SeABank; (ii) quyết định mức thù lao, chi tiêu, thưởng và các lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát SeABank đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động của SeABank, ngân sách đã được ĐHĐCĐ thông qua và quy định của pháp luật, quy định của SeABank có liên quan.
6. **NGHỊ QUYẾT SỐ 6:** Thông qua danh sách các công ty được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN (bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, nếu có) của SeABank trong năm 2021 và 2022, bao gồm: (1) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và (2) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, (3) Công ty TNHH Pricewaterhousecoopers Việt Nam, (4) Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông giao Ban kiểm soát quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán (các) báo cáo tài chính của SeABank và đơn vị kiểm toán hệ thống kiểm soát nội bộ theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN trong năm 2021 và 2022 trên cơ sở tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi quyết định, và tổ chức triển khai việc kiểm toán theo quy định của SeABank và Pháp luật.
7. **NGHỊ QUYẾT 7:** Thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 16.598 tỷ đồng theo nội dung như sau:

a) Thông qua Kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 12.087.442.080.000 đồng lên 16.598.000.000.000 đồng theo Phương án đính kèm.

b) Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc sau để triển khai Kế hoạch tăng vốn điều lệ, cụ thể: (i) quyết định mức tăng vốn cụ thể các từng cấu phần hoặc từng đợt phát hành; (ii) quyết định thời điểm phát hành của từng cấu phần hoặc từng đợt phát hành trên cơ sở phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng vốn của ngân hàng; (iii) quyết định, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch và/ hoặc Phương án tăng vốn điều lệ; (iv) ký, tổ chức thực hiện các văn bản, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ; (v) Sửa đổi điều lệ, điều chỉnh giấy phép hoạt động và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần của SeABank theo mức vốn phát hành thành công thực tế; (vi) thực hiện mọi thủ tục có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ với Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đăng ký kinh doanh các cấp và/hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác có liên quan theo quy định của pháp luật; (vii) thực hiện các thủ tục để đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh; (viii) các công việc khác có liên quan và cần thiết (nếu có) để hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo Kế hoạch tại mục 1 nêu trên theo quy định pháp luật, chỉ đạo, yêu cầu của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực tế triển khai tăng vốn điều lệ của SeABank.

8. **NGHỊ QUYẾT 8:** Thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank và sửa đổi, bổ sung Điều lệ như sau:

a) Thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank là 0%.

b) Bổ sung khoản 5 tại Điều 30 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Điều lệ SeABank như sau:

“5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank là 0%. Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để đảm bảo phù hợp với diễn biến của thị trường và không vượt quá tỷ lệ theo quy định pháp luật. Việc thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán.”

c) Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định (i) sửa đổi, bổ sung, thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để đảm bảo phù hợp với diễn biến của thị trường và không vượt quá tỷ lệ theo quy định của pháp luật tùy từng thời kỳ, và (ii) sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng tương ứng với việc thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank.

d) Giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện các thủ tục thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và công bố thông tin theo quy định.

9. **NGHỊ QUYẾT 9:** Thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính SeABank như sau:

a) Thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính SeABank như sau:

i. Địa điểm hiện tại: Số 25 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

ii. Địa điểm dự kiến chuyển đến: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

iii. Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2021, theo quyết định của HĐQT.

b) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động, Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của SeABank và các văn bản, hồ sơ, tài liệu khác của SeABank có liên quan đến nội dung địa điểm đặt trụ sở chính của SeABank.

c) ĐHĐCĐ giao HĐQT, và cho phép HĐQT được phép giao lại, xem xét, quyết định (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung): (i) thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của Pháp luật để thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của SeABank theo nội dung của điểm a và điểm b nêu trên; (ii) kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới đảm bảo đáp ứng các điều kiện đối với trụ sở theo quy định của pháp luật; (iii) kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động; (iv) thời gian cụ thể để chuyển địa điểm trụ sở chính; và (v) các nội dung khác có liên quan đến việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, phù hợp với thực tế hoạt động của SeABank. Việc thực hiện các công việc nêu trên của Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT SeABank có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua cho đến khi hoàn thành việc thay đổi địa điểm trụ sở chính (bao gồm cả việc thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan) theo đúng quy định Pháp luật.

10. NGHỊ QUYẾT 10: Thông qua các nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Dự thảo Điều lệ đính kèm; Giao HĐQT tiếp tục rà soát dự thảo Điều lệ để sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu HĐQT xét thấy cần thiết) và quyết định, thực hiện mọi thủ tục liên quan đến ban hành, báo cáo, thông báo, công bố Điều lệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức hữu quan theo quy định của pháp luật.

11. NGHỊ QUYẾT 11. Thông qua các nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị của Ngân hàng theo các Dự thảo đính kèm; giao HĐQT (i) tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế Quản trị nội bộ SeABank, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị nếu xét thấy cần thiết trên cơ sở cập nhật các nội dung thay đổi trong Điều lệ, phù hợp với các quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động; (ii) báo cáo, thông báo và công bố các Quy chế này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức hữu quan theo quy định của pháp luật.

12. NGHỊ QUYẾT 12. Thông qua các nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát; Giao Ban Kiểm soát (i) tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát nếu xét thấy cần thiết trên cơ sở cập nhật các nội dung thay đổi trong Điều lệ, phù hợp với các quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động; (ii) báo cáo, thông báo và công bố Quy chế này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức hữu quan theo quy định của pháp luật.

13. NGHỊ QUYẾT 13. Thông qua việc giao Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định các vấn đề sau: (i) sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và/ hoặc các nội dung khác trong Giấy phép hoạt động của Ngân hàng; (ii) thực hiện đăng ký, trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép/chấp thuận sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật, tổng hợp các hoạt động kinh doanh của SeABank hoặc/ và các nội dung khác trên Giấy phép hoạt động của SeABank; (iii) thực hiện các thủ tục liên quan đến cấp đổi Giấy phép hoạt động của SeABank sang Giấy phép hoạt động mới theo quy định của pháp luật.

14. NGHỊ QUYẾT 14: Thông qua việc thay đổi một số nội dung đăng ký doanh nghiệp của SeABank như sau:

a) Thay đổi địa chỉ trụ sở chính trên mục 2 trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của SeABank như sau:

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

b) Sau khi được chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phù hợp tình hình thực tế triển khai phương án tăng vốn điều lệ của SeABank

trong năm 2021 lên 16.598 tỷ đồng, thông qua việc thay đổi mục 3 – Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của SeABank như sau:

Vốn điều lệ sau khi thay đổi:

Vốn điều lệ: 16.598.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười sáu nghìn năm trăm chín mươi tám tỷ đồng.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 1.659.800.000 cổ phần

Việc thay đổi mục 3 – Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của SeABank theo nội dung trên chỉ được thực hiện sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận sửa đổi, bổ sung mức vốn điều lệ trên Giấy phép hoạt động của SeABank.

c) Bổ sung các ngành, nghề kinh doanh của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, cụ thể:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết: - Dịch vụ quản lý tiền mặt; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản; - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	6419 (chính)
2.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: - Đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ví điện tử	6499
3.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: - Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. - Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa	6492

Ngành, nghề kinh doanh sau thay đổi:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác 1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác. 2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước; 3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng. 4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a. Cung ứng phương tiện thanh toán; b. Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ. 5. Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác. 6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. 7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn. 8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. 9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ. 10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. 11. Dịch vụ môi giới tiền tệ. 12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	6419 (chính)



STT	Tên ngành	Mã ngành
	14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. 18. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế. 19. Lưu ký chứng khoán. 20. Kinh doanh vàng miếng. 21. Ví điện tử. 22. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa. 23. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.	
2.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận)	6499

d) Trường hợp SeABank được cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động, thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Ngân hàng trong nội dung đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần như sau:

Ngành, nghề kinh doanh sau thay đổi:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác 1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác. 2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng;	6419 (chính)

STT	Tên ngành	Mã ngành
	đ) Bao thanh toán trong nước; 3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng. 4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a. Cung ứng phương tiện thanh toán; b. Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ. 5. Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác. 6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. 7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn. 8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. 9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ. 10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. 11. Dịch vụ môi giới tiền tệ. 12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.	

STT	Tên ngành	Mã ngành
	18. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế. 19. Lưu ký chứng khoán. 20. Kinh doanh vàng miếng. 21. Ví điện tử. 22. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa. 23. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.	
2.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận)	6499

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc sau: quyết định/phê duyệt (bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung nếu xét thấy cần thiết) các nội dung liên quan, thực hiện/ tổ chức thực hiện tất cả các công việc/hành động, tiến hành mọi bước và mọi thủ tục cần thiết và, ký tất cả các tài liệu (cùng với những sửa đổi, bổ sung, thay thế mà HĐQT xét thấy cần thiết hoặc phải có để bảo đảm hiệu lực của các nghị quyết hoặc/và giải quyết các công việc) phát sinh trong quá trình thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của SeABank tại Cơ quan Đăng ký kinh doanh các cấp, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Cơ quan Đăng ký kinh doanh, tình hình thực tế của Ngân hàng.

15. **NGHỊ QUYẾT 15.** Thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 là 08 thành viên; bầu bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT.
16. **NGHỊ QUYẾT 16.** Thông qua Đơn từ nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 của SeABank đối với Bà Đoàn Thị Thanh Hương. Bà Đoàn Thị Thanh Hương thôi đảm nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 của Ngân hàng kể từ ngày 23/4/2021.
17. **NGHỊ QUYẾT 17.** Thông qua Thê lệ bầu bổ sung thành viên HĐQT và bầu thay thế thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 như Dự thảo đính kèm.
18. **NGHỊ QUYẾT 18.** Thông qua kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT và bầu thay thế 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu đạt được	Tỷ lệ đạt được	Kết quả
1.	Ông Faussier Loic Michel Marc	1.170.668.610	100%	Trúng cử thành viên độc lập HĐQT
2.	Ông Vũ Quốc Việt	1.170.668.610	100%	Trúng cử thành viên BKS

19. **NGHỊ QUYẾT 19:** Để đảm bảo công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của SeABank được kịp thời, hiệu quả, phù hợp với diễn biến của thị trường, chính sách kinh tế vĩ mô và thực tế nhu cầu hoạt động của SeABank, Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị và cho phép HĐQT được chủ động xem xét, quyết định tất cả các vấn đề, nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ phát sinh giữa 2 kỳ Đại hội bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề, nội dung sau đây: (i) các hoạt động đầu tư, mua, bán tài sản,

góp vốn, mua/bán cổ phần của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác, đầu tư tài chính khác (bao gồm cả hoạt động đầu tư giấy tờ có giá, công cụ tài chính phái sinh trong và ngoài nước của SeABank và việc quyết định số tiền/số vốn đầu tư, quyết định việc khai thác, sử dụng hoặc/và bán/thoái vốn, thời điểm bán/thoái vốn ...); (ii) thành lập công ty con, công ty liên kết trong và ngoài nước của SeABank; (iii) việc ký kết các hợp đồng, thực hiện các giao dịch giữa SeABank với Người có liên quan theo quy định của pháp luật (bao gồm thành viên HĐQT, thành viên BKS, cổ đông lớn, công ty con, công ty liên kết, người có liên quan của Người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của SeABank); (iv) việc sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế tài chính của SeABank theo các quy định hiện hành; (v) về việc quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của SeABank; (vi) việc đàm phán, lựa chọn và phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài; hoặc/và liên quan đến (vii) các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank hoặc/và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các vấn đề HĐQT được giao bởi ĐHĐCĐ có hiệu lực cho đến khi ĐHĐCĐ có nghị quyết khác thay thế.

20. **NGHỊ QUYẾT 20:** Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT xem xét, quyết định (bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung, nếu xét thấy cần thiết), tổ chức triển khai các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua; xem xét, quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ phát sinh phải giải quyết giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của SeABank và pháp luật. Các nội dung đã được ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định, tổ chức triển khai thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và không giới hạn thời hạn hiệu lực, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết khác thay thế.

Điều 2. Các Nghị quyết tại Điều 1 Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua. Hội đồng Quản trị SeABank và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Như Điều 2 ;
- Lưu VT, VP.HQĐT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT – CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



LÊ VĂN TÀN

